

Một Chút Hồi Ức

Phan Xuân Sinh



Sáng 30-4-75, tôi dựng xe honda ở bờ sông Sài Gòn, đứng nhìn chiếc tàu hải quân của VNCH cuối cùng rời bến. Người ta bỏ lại xe hơi, xe honda, xuống tàu thong thả như một chuyến du lịch. Trong đầu tôi không có một chút xíu nào nghĩ rằng đó là lần họ vĩnh viễn rời đất nước. Thế nhưng không hiểu sao tôi lại đứng như trời trồng, không theo họ. Làm một cuộc viễn du cũng thích thú lắm chứ. Nếu như đất nước sau này tốt, đối xử tử tế thì mình lại trở về, có sao đâu. Cái ân hận này làm cho tôi ray rứt mãi, nhất là những ngày đói khát, thất tha thất thểu ở Sài Gòn... Những đêm tập trung “ngụy quân, ngụy quyền” ra phường hội họp, ngồi dưới đất nghe người thắng trận trong rừng mới ra, mang dép râu, đội nón tai bèo, xối xả chửi vào mặt

người ngồi nghe là thứ bán nước, theo chân đế quốc, “ngụy” tặc. Thảm đau cho cái ngu si không biết chọn lựa của mình, để bây giờ phải lở khóc lở cười.

Tôi lên xe honda chạy qua Khánh Hội, người ta đang mở kho vơ vét. Tôi dừng xe ngồi nhìn. Một tay thuộc loại “anh chị” khiêng bao gạo 50 kí-lô trên vai hỏi tôi có cần mua không? Tôi gật đầu. Anh ta ném bao gạo trên yên sau xe honda của tôi, không cần biết tôi đưa bao nhiêu tiền, anh trở vào kho vác bao khác ra ngoài, đứng dáo dác không có ai mua, anh cho tôi thêm một bao nữa để phía trước xe mà không lấy tiền thêm. Cửa kho mở rộng, ai muốn vào lấy cũng được, tội gì phải bỏ tiền ra mua. Tôi chạy xe về nhà người bạn tôi đang ở nhờ. Yên tâm trong bụng không sợ đói. Tôi chạy qua lại tìm mua một thùng nước mắm, hàng “hôi của” nên trả bao nhiêu tiền cũng được. Như vậy, tôi vững bụng không còn sợ thiếu ăn trong những ngày sắp tới, trong những ngày tranh tối tranh sáng, vô chính phủ. Về nhà mua một lít đế, mấy miếng khô cá, tôi và thằng bạn vừa nhâm nhi, vừa mở radio nghe ông Dương Văn Minh đọc diễn văn bàn giao đất nước lại cho người thắng trận. Xem như hạ màn một cách nhanh chóng, chế độ Miền Nam cáo chung, nhường sân khấu cho cộng sản điều hành đất nước. Hòa bình mà toàn dân khao khát đang thực sự “hiện thực”. Thế nhưng lòng người tan hoang, những chính sách sắt máu ụp trên đầu dân chúng. Đốt sách, cải tạo, đánh tư sản mại bản, đổi tiền v.v... toàn những món dân Miền Nam không thể nuốt trôi, ói ra máu.



Đường phố áo quần lính chất đống, người người đi trên phố khuôn mặt ngơ ngác, không ai biết được mình sẽ đi về đâu. Mấy người trai trẻ hàng xóm mà tôi biết là những người lính Miền Nam, đi ngang qua nhà nhập vào uống rượu với tụi tôi. Hết lít này họ chạy đi mua lít khác. Tụi tôi ngồi nhậu tới chiều. Một bữa nhậu mà không có một tiếng nói to, âm thầm uống, hồn ai nấy giữ. Xong cuộc nhậu tự động ra về, chỉ chào nhau bằng cái gật

đầu nhẹ. Tôi thấy mọi người đều “xanh mặt”, mệt mỏi, lo sợ, như chờ đợi một cái gì không may ụp trên đầu mình.

Ngày hôm sau, có những người mang băng đỏ trên tay xuất hiện trong xóm và điều khiển xe cộ trên đường phố. Trong xóm tôi ở đường Minh Mạng, Phú Nhuận, có một ông ca sĩ nổi tiếng Sài Gòn, lái chiếc xe jeep của người anh trước đây là trung tá của Miền Nam đi Mỹ để lại, trên xe ông và những người mang băng đỏ chạy khắp Phú Nhuận, hò hét như các tay “cách mạng” thứ thiệt. Có lẽ thời điểm này tôi đã chứng kiến biết bao khuôn mặt tráo trở, họ không có một chút xíu ngưng ngừng, tiếp tay chỉ điểm, đặc lực làm tay sai. Quá thật, tội tôi hồi đó không sợ những người cộng sản, mà sợ những thành phần này, họ làm bất cứ việc gì để lấy điểm. Nên tội tôi thấy họ phải lo tránh xa. Không loại trừ thành phần nào trong xã hội Miền Nam, đâu cũng có thứ này. Qua Mỹ lại thấy ông ca sĩ này mặc đồ lính rằn ri hát những bài ca của lính. Họ thay đổi còn hơn tắc kè. Đúng là cuộc sống đầy những nhiễu nhương.

Bây giờ kể lại những chuyện này như kể chuyện đời xưa, nghe lại thấy tức cười. Tội nghiệp cho những con người yếu đuối, vì tìm một chỗ yên thân mà họ phải táng tận lương tâm, làm những chuyện ruồi bu. Mấy ông có người thân đi tập kết về thì dựa hơi, bắt nạt người khác, hoặc to tiếng khẳng định lập trường của mình. Trong lúc chưa có người thì người ta để yên, mượn tay các ông để răn đe người khác. Khi có đầy đủ nhân sự thì cho các ông “chầu rìa”. Lúc đó các ông mới biết cái “lố bịch” của mình đối xử với anh em thì đã muộn. Có người phải tránh mặt anh em vì khi gặp nhau ngưng ngừng mắc cỡ. Có người bắt đầu ngồi quán café chửi đồng vì bị thất sủng.

Có lẽ trong buổi giao thời, tranh tối tranh sáng, mình mới thấy được những bộ mặt “ghê tởm” này xuất hiện. Họ như những tên hề đứng trên sân khấu múa may mà không biết trơ trẽn, lớn tiếng chỉ trích anh em có chút máu “ngụy”, như một tay cách mạng chính hiệu. Cái trò chỉ điểm, tố cáo để kiếm điểm, tìm một chút địa vị, lúc ấy thật đáng sợ, anh em thêm thiếp chịu trận, không dám hé răng. Cái bối cảnh lúc ấy thật nhớ nhặng, thật sắt máu, nghi kỵ lẫn nhau, chà đạp nhau để vươn lên. Những người lập công cho “cách mạng” kiểu này dần dần bị đào thải, anh em thì xa lánh. Họ thui thủi như một bóng ma. Cho đến bây giờ thời gian quá lâu, mọi chuyện đã phôi pha, trong lòng mọi người không ai muốn nhớ lại.

.....

Những năm đầu “giải phóng” người Miền Nam không ai ra được Miền Bắc để trông thấy ngoài ấy ra sao. Tôi có một thằng bạn thuộc “gia đình cách mạng”, muốn đi một chuyến ra Bắc, thế nhưng phải năm lần bảy lượt mới đi được, phải cỡ thứ trưởng bảo lãnh mới được cấp giấy cho đi. Sau khi trở về hỏi gì nó cũng không nói chỉ lác đầu. Một bữa tôi với nó đi uống café, nó nói nhỏ vào tai tôi là trước khi nhận giấy ra Bắc, người ta dặn



không được nói với ai về cuộc sống ngoài đó, nên nó không dám nói chuyện này với ai. Sau mấy đêm suy nghĩ, nó tự thấy như vậy là không đúng, tại sao không nói cho thiên hạ biết “chiếc nôi” của chủ nghĩa xã hội, cái thiên đường đã đánh đổ Miền Nam để cả nước cùng tiến lên. Nó không thể nào tưởng tượng Miền Bắc nghèo đói và lạc hậu đến thế. Phở xá cữ kỹ dơ bẩn, ngoài đường áo quần chỉ mỗi một màu ô-liu, thỉnh

thoảng mới thấy màu xanh đậm, hình như cho công nhân, họa hoằn lắm mới thấy chiếc áo trắng, còn xe đạp bạt ngàn, không thấy có một chiếc xe gắn máy nào, nếu có thì chắc từ Miền Nam mang ra. Hà Nội dưới mắt nó sao thấy thảm thương quá chừng. Sau đó nó nói với tôi bằng giọng mỉa mai, “*Tiến lên xã hội chủ nghĩa như vậy đủ rồi, còn tiến mạnh tiến nhanh thì chắc chết quá lắm ơi*”.

Mười năm sau (1985), tôi có việc phải ra Miền Bắc vì mấy cái hợp đồng với thương nghiệp ngoài đó. Tôi đứng giữa Hà Nội mà lòng thấy se thắt. Mấy chục năm, người dân “vạn vật” chịu đựng một cách dai dẳng mà không nổi loạn nghĩ cũng lạ thật. Áo quần nghèo nàn nhưng con gái Hà Nội mặt mày sáng chạng, phần đồng đẹp hơn các thành phố trong Nam. Dưới con mắt tôi, cái thanh lịch chỉ còn lại trên nét mặt của người con gái Hà Nội, còn bao nhiêu cái khác, sau ba mươi năm xã hội chủ nghĩa đã tẩy sạch hết, tiêu tan hết.

Tôi có dịp lên Thái Nguyên, nhìn những cánh đồng chè bạt ngàn, những người hái chè buổi sáng sớm trong sương mù thật tội nghiệp. Đồng lương công nhân của công ty chè quốc doanh không bao nhiêu, mà phải chịu cực khổ một cách nặng nề. Tôi cũng có dịp đi Quảng Ninh, trông thấy công nhân mỏ than lam lũ trong hầm mỏ. Không biết những nhà lãnh đạo của giai cấp này trước đây có giống như anh chị em công nhân, mặt mày lấm lem, sống trong điều kiện kham khổ như vậy không. Chứ khi ấy nhìn họ thấy không khá nổi. Còn nhiều cảnh thật tang thương cho một chế độ xã hội chủ nghĩa mà họ ca tụng như là thiên đường. Thú thật tôi vỡ mộng.

Trước đây tôi không tin những gì mà bộ máy tuyên truyền của Miền Nam nói về Miền Bắc. Tôi không tin những tác phẩm của Xuân Vũ nói về chế độ Miền Bắc. Tôi cho đây chỉ là những tuyên truyền rẻ tiền để hạ nhau, chứ thực tế không đến nỗi như vậy. Sau khi ra Hà Nội, tận mắt nhìn thấy đời sống dân chúng, chứng kiến cảnh làm việc, nhìn thấy sinh hoạt của người dân từ nông thôn đến thành thị, thấy trật tự xã hội bị đổ nhào, đạo đức văn hóa không ai cần phải giữ gìn, những cảnh trắng trợn không ai cảm thấy xấu hổ. Tàu hỏa và xe buýt là nơi bọn đầu trộm đuôi cướp hoành hành mà cơ quan công lực không làm gì được. Dân chúng bị hà hiếp không biết kêu than nơi đâu. Phải công nhận người dân Miền Bắc gặp cảnh tai trời ách nước cay nghiệt, mà họ không hề phản kháng, chỉ cắn răng chịu đựng. Mà phản ứng làm gì được khi bao tử đói meo, chỉ lo mỗi cái ăn chưa xong, hơi đâu ôm đồm chuyện khác.

Xe chạy đến huyện Kỳ Anh (tôi không nhớ thuộc tỉnh nào vì lâu quá, hình như là Hà Tĩnh). Chúng tôi vào một quán cơm bên đường, người con gái bán cơm rất đẹp, nói giọng Hà Nội. Tôi nghĩ giữa nơi đồng không mông quạnh, lại có người nho nhã, ăn nói lễ phép và đồ ăn rất ngon. Trong lúc đó ngay tại Hà Nội chưa có quán ăn nào vừa ý. Tôi xin nói thêm chỗ này, Hà Nội lúc đó tìm một quán café cũng rất khó. Đi ăn phở phải xếp hàng và trả tiền trước. Đặc biệt, khi chúng tôi xếp hàng thì người giữ trật tự mời vào ngồi bàn trước, ăn xong mới trả tiền (ưu tiên cho dân Miền Nam). Tôi hỏi người thu tiền tại sao chúng tôi được đặc ân như vậy. Thì họ trả lời *“phải thu tiền trước để biết khách muốn ăn bát phở giá bao nhiêu, thì làm đúng với giá tiền, nếu không họ chỉ trả ít hơn thì mình không biết phải làm sao, hoặc ăn xong không trả tiền rồi bỏ chạy. Còn các anh ở Miền Nam đã quen với cái lối trả tiền sau, các anh nhầm mình có đủ tiền mới vào quán và nếu có bỏ chạy thì các anh không biết đường nào mà chạy thoát được. Vì vậy chúng em phải tiếp các anh như ở Sài Gòn vậy”*.



Chính quyền cách mạng xem tụi tôi như một thứ ghê lở, nhưng bà con Miền Bắc thì lại xem tụi tôi rất thân tình. Sau khi ăn xong, tôi hỏi về gia đình. Giọng nói của cô gái khác với những người chung quanh. Cô cho biết cha mẹ cô là dân Hà Nội chính gốc, sau 54 bị tịch thu nhà cửa và đi

kinh tế mới nên phải trôi giạt vào đây. Cô hiện thời là sinh viên, cuối tuần phải về để giúp đỡ cha mẹ bán cơm. Nhìn hình ảnh của cô, tôi liên tưởng đến những bà con ở Sài Gòn đi kinh tế mới. Chắc chắn họ không được may mắn như gia đình cô hiện thời, cái gốc Sài Gòn của họ rồi cũng sẽ mất. Nhà to cửa lớn của họ đã được các “quan cách mạng tiếp thu”, đổi chủ một cách hà khắc.

Chưa có một cuộc sống nào người dân phải chịu đựng oan ức như trong thời “giải phóng”. Tôi nhìn ra cánh đồng xa xa, thấy những chiếc áo tơi (châm bằng lá buong mà vào khoảng thập niên 60 không còn thấy xuất hiện tại Miền Nam), nhấp nhô trên đồng ruộng. Tôi hỏi cô gái trời nắng như vậy mà tại sao phải mặc áo tơi. Cô ta cho biết, làm gì có áo mặc để làm ruộng, họ mặc áo tơi để thay cho áo vải. Nhìn qua cánh đồng khác tôi thấy người kéo cây thay cho trâu bò. Lần đầu tiên trong đời tôi mới thấy cái cảnh thân hình thiếu ăn ốm o, chòang sợi dây trên vai kéo cái cây, có một đứa bé đứng phía trên, thật tội nghiệp. Những năm của Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã gặt hái những gì tốt hơn cho người dân? Cái cảnh trông thấy trước mắt mà tôi có dịp ra Miền Bắc, cho tôi một bài học là phải bằng mọi cách tìm đường ra nước ngoài, nếu không thì quá trễ, và viễn ảnh cho thấy cuộc đời sẽ khôn nạn, thâm trầm, bần cùng như bà con ruột thịt Miền Bắc đang gánh chịu.



Một chuyện buồn cười. Xe của chúng tôi tới Bến Thủy, chờ lên phà để về lại trong Nam. Đoàn xe nối đuôi nhau dài cả cây số. Tôi nghĩ trong bụng ở đây chờ ít nhất phải hai ngày trời mới tới phiên mình, vì lúc ấy chiếc “phà” chỉ chở được bốn chiếc xe vừa qua lại mất cả tiếng đồng

hồ. Nói là “phà” cho nó oai vậy, chứ quả thật là mấy cái phao cột dính lại với nhau, một chiếc tàu nhỏ như ca nô kéo đi. Tôi nghe các tài xế chạy trên đường xuyên Việt kể lại rằng trong mùa nước lũ, phà bị đứt dây trôi mất là chuyện thường. Tôi hỏi thế thì xe và người trên phà phải làm sao? May mắn thì được vớt, còn không thì chết trôi. Chuyện quan trọng như vậy mà người kể chuyện xem như thường và những cơ quan có trách nhiệm điều hành về phà qua lại trên sông, tỉnh bơ xem đó không quan trọng, không phải trách nhiệm của mình. Chiếc phà bao năm vẫn không thay đổi. Cho nên mấy chiếc phà bắt qua bắc Cần Thơ hay bắc Vàm Cống thấy rất an toàn.

Đang ngồi trên xe tán chuyện với nhau, thì người phu cầm cờ đỏ chạy đến xe chúng tôi hỏi có cần phải qua phà nhanh không? Người tài xế hỏi ông giá bao nhiêu. Ông trả lời muốn đi ngay thì cho nhiều một chút, muốn qua phà chậm thì ít hơn. Người phu cầm cờ đỏ đưa hai ngón tay (có ý là hai trăm đồng) chạy ngay. Hai trăm đồng lương công nhân thuở đó là năm mươi đồng một tháng. Ông ta cầm cờ đỏ giờ cao chạy trước, miệng la lớn: “*Anh em Miền Nam giúp đỡ anh em Miền Bắc*”. Họ xem cái chuyện đứt lốt này là bình thường, là công khai, cho những chiếc xe khác noi theo. Chiếc xe của tụi tôi ưu tiên xuống trước. Đứng trên phà qua sông, thật tình tôi ngao ngán cho một xã hội mà tôi đã chứng kiến trên Miền Bắc. Rồi đây Miền Nam của chúng tôi sẽ lần trên vết xe của đồng bào ngoài kia đã trải qua. Bấy giờ chúng tôi đã thấy ngọt ngào khó thở, người ta đã bắt đầu áp dụng đường lối cứng rắn để uốn nắn dân Miền Nam rập khuôn Miền Bắc.

Xe chạy đến Quảng Bình, thành phố xem như bình địa vì bị bom của Mỹ rải nát, mười năm sau vẫn còn nguyên si, không sửa chữa. Thành phố lợp tranh trên những nền nhà cũ. Nhà thờ chính Quảng Bình chỉ còn



trơ lại gác chuông. Dấu tích chiến tranh vẫn chưa xóa, nhìn thành phố chúng ta đủ biết nơi đây đã nhận biết bao nhiêu bom đạn. Chúng tôi vào uống nước tại một căn nhà tranh trên quốc lộ, chủ quán là một anh thương binh trạc tuổi tôi. Lúc đầu mới vào anh nói chuyện với chúng tôi sặc mùi cộng sản. Chẳng hạn như về những năm tháng chiến tranh mà Quảng Bình nhận lãnh hậu quả nặng nề nhất. Anh nói rất tự hào: “*Quảng Bình quyết tử cho tổ quốc quyết sinh. Người dân Quảng Bình kiên cường đứng đầu cả nước chống giặc xâm lăng Mỹ*”. Tụi tôi chỉ lắng nghe anh thao thao bất tuyệt về chiến tranh, về chính sách, về con người sống thế nào cho phù hợp chế độ. Luận điệu này tôi đã từng

nghe những người thắng trận lớn lối nói ra rả vào tai tụi tôi. Anh hỏi tôi trước khi hòa bình tôi làm gì ở Miền Nam. Tôi không trả lời ngay câu hỏi của anh, tôi vén ống quần cho anh thấy cẳng chân giả làm bằng plastic. Tôi chỉ trả lời vồn vện: “*Tôi là người lính của Miền Nam*”. Sau khi nhìn thấy sự mất mát thân thể của tôi, sau khi nghe tôi xác định một cách chắc nịch về con người thật của tôi, con người mà đứng trên chiến tuyến là đối nghịch với anh. Tôi nói không có một chút thù hận, không tranh cãi với anh, tôi chấp nhận danh phận không may mắn của tôi. Thái độ này tôi làm cho anh bất ngờ lúng túng. Tôi thấy anh ngồi suy tư, nhìn tôi có chút ngậm ngùi. Anh thấy những gì anh nói với tôi đều là những câu tuyên truyền không cần thiết, mười năm “giải phóng” tôi đã hiểu rõ chân tướng của chế độ, có đánh bóng nó cách mấy cũng không thể che đậy cách trả thù hèn hạ trên đầu anh em chúng tôi. Tôi trả tiền nước rồi ra xe, anh chạy theo bắt tay tôi thật chặt, anh nói là anh cảm thấy mắc cỡ ăn nói quá nhiều hàm ý tuyên truyền, khi nhìn thân thể tôi, anh biết không dễ gì lay chuyển được tôi. Dù là người bại trận, đang sống dưới chế độ thù nghịch, tôi vẫn không tránh né về thân phận của mình.

Từ Quảng Bình về Quảng Trị con đường gập ghềnh, lờ mờ. Xe qua cầu Hiền Lương, chiếc cầu lịch sử



ngăn chia Nam Bắc. Chiếc cầu nhỏ nhắn, dễ thương, nó đứng giữa ranh giới chứng kiến biết bao nhiêu tai ương đổ xuống trên đầu nhân dân hai miền Nam-Bắc. Nó ngăn cách không những chế độ bên này, bên kia, mà nó còn ngăn cách cả lòng người, xé tan tình tự của dân tộc. Bao nhiêu năm hòa bình mà ấn tượng, đổ kỵ còn nặng nề quá vẫn chưa biết làm sao nói lại được. Chiến tranh chỉ trong vòng 20 năm, mà đến 35 năm sau sống trong hòa bình vẫn chưa có cách nào chung sống trong tình anh em ruột thịt. Tuy không còn cầm súng giết hại nhau, không còn ranh giới phân chia chiến tuyến, thế nhưng bức tường chắn giữa lòng người (nói theo kiểu Tưởng Năng Tiến) vẫn còn kiên cố ngăn cách đôi bên, không ai chịu phá bỏ và quên đi cái thời xa xưa nhục nhã

của dân tộc.

.....

Mấy năm trước đây, tôi gặp nhiều văn nghệ sĩ Hà Nội qua Boston theo chương trình của William Joiner. Trong lúc trà dư tửu hậu, tôi có nói với họ về chuyện ra Miền Bắc của tôi năm 1985. Họ đều cười và nói với tôi rằng có dịp bây giờ nên ra Miền Bắc một chuyến, mọi thứ đều thay đổi một cách chóng mặt. Cái chính sách xã hội chủ nghĩa chỉ còn trên lý thuyết, người dân bây giờ giàu có, không còn tiến nhanh tiến mạnh như khi xưa, mà họ chạy đua theo kịp đà tiến hóa của tư bản. Đó là một bước tiến đáng mừng cho dân chúng, để họ được hưởng những tiện nghi, những phúc lợi mà thế giới đã giành được qua những phát minh phụng sự cho con người. Đứng trên phương diện nhân bản, thật đáng mừng cho những mảnh đời tưởng rằng sẽ sống trong tăm tối mãi mãi. Bây giờ ấm no hơn, thoải mái hơn, tuy nhiên vẫn còn bị những rào cản về tự do, dân chủ còn bị siết chặt.

Chút hờn ức này không dụng ý khơi dậy đồng tro tàn, nhưng để nói lên cho chúng ta biết “có một thời như thế”, một thời mà không ai muốn nhớ lại, và rồi, cũng không thể nào quên được!!!

Phan Xuân Sinh